


FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM LTD.			
SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION			
0-PR-001-0-FO-0003	Version: 03	Page: 1/32	



ĐẶC TẢ YÊU CẦU PHẦN MỀM/ SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION

ECS-ICM

Phiên bản / **Version**: 2.0

Tác giả/ **PIC**:10326 Tên / **Name**:Hoàng Trung Dũng

Ngày / **Date**: 01/08/2024

Vai trò / **Position**: Kỹ sư

Checked by: Doanh Nhu Date: 01-Aug-2024	Approved by: Doanh Nhu Date: 01-Aug-2024
Prepared by: Hoang Trung Dung Date: 01-Aug-2024	Original: Doanh Nhu Date: 01-Aug-2024

Confidential

FOV's Property, Do not take out without FOV's BOM Approval

MỤC LỤC

1. Giới thiệu / Introduction	6
1.1 Tổng quan / General	6
1.2 Mục đích / Purpose	6
1.3 Phạm vi / Scope	6
1.4 Thuật ngữ viết tắt / Technical Term	6
1.5 Tài liệu tham khảo / References	6
2. Mô tả tổng quan / General Description	8
2.1 Mô hình các tình huống sử dụng tổng quan / Business Work Flow Diagram	8
2.2 Mô hình cơ sở dữ liệu / Database Diagram	8
2.3 Mô tả work flow chart	10
3. Đặc tả yêu cầu chức năng / Function Requirement Specification	13
3.1 Đăng nhập/Login	13
a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	13
b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	13
c. Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	13
d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	
e. Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	13
f. Điều kiện kết thúc / Post-Condition	13
3.2 Setting material	13
3.2.1 Lấy thông tin nhà cung cấp	13
a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	13
b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	13
c. Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	13
d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	14
e. Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	14
f. Điều kiện kết thúc / Post-Condition	14
3.2.2 Chọn supplier đã làm	14
a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	14
b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	14
c. Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	14
d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	14
e. Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	14
f. Điều kiện kết thúc / Post-Condition	14
3.2.3 Lưu data setting	14
a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	14
b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	15
c. Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	15
d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	14
e. Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	15
f. Điều kiện kết thúc / Post-Condition	15
3.2.4 Release settings	15
a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	15
b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	15
c. Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	15
d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	16
e. Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	16
f. Điều kiện kết thúc / Post-Condition	16
3.2.5 Revise setting	16
a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	16
b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	16

SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION		
0-Pr-001-0-FO-0003	Version: 03	Page: 3/32

c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	16
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	16
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	16
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	16
3.2.6	Thêm công đoạn	16
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	16
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	16
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	16
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	17
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	17
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	17
3.2.7	Xóa công đoạn	17
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	17
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	17
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	17
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	17
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	17
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	17
3.3	Tạo lotno	
3.3.1	Lấy thông tin receiver.	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	17
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	18
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	18
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	14
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	18
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	18
3.3.2	Tạo lotno	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	18
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	18
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	19
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	19
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	20
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	20
3.3.3	Cập nhật ngày sản xuất và ngày hết hạn.	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	20
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	20
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	20
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	20
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	20
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	20
3.3.4	Nhập số serial cho lotno.	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	21
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	21
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	21
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	21
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	21
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	21
3.3.5	Xóa số serial.	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	21
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	21

SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION		
0-Pr-001-0-FO-0003	Version: 03	Page: 4/32

c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	21
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	22
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	22
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	22
3.3.6	In nhãn	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	22
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	22
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	22
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	22
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	22
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	22
3.4	Quét lotno	
3.4.1	Kiểm tra lotno tồn tại	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	22
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	23
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	23
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	14
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	23
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	23
3.4.2	Tạo công đoạn cho lotno	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	23
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	23
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	23
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	23
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	23
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	23
3.5	Kiểm tra công đoạn	
3.5.1	Kiểm tra công đoạn Sample	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	24
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	24
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	24
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	24
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	24
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	24
3.5.2	Kiểm tra công đoạn Quantity.	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	24
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	24
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	24
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	25
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	25
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	25
3.5.3	Kiểm tra công đoạn Test_Report.	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	25
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	25
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	25
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	25
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	26
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	26
3.5.4	Kiểm tra công đoạn Dimension.	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	26

b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	26
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	26
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	26
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	26
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	26
3.5.5	Setting template dimension.	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	27
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	27
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	27
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	27
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	27
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	28
3.5.6	Kiểm tra công đoạn Appearance.	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	28
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	28
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	29
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	28
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	29
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	29
3.5.7	Kiểm tra công đoạn Pilot-Run.	
a.	Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description	29
b.	Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter	29
c.	Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow	30
d.	Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow	30
e.	Điều kiện bắt đầu / Pre- Condition	30
f.	Điều kiện kết thúc / Post-Condition	30
4.	Yêu cầu dữ liệu điện tử / Electronic Data Requirement	30
4.1	Quyền phát sinh dữ liệu / Manipulation of Data	30
4.2	Sao lưu / phục hồi dữ liệu / Backup and Restore Data	30
4.3	Truy xuất dữ liệu / Query Data	30
4.3.1.1	Lịch sử của dữ liệu / History of Data	30
5.	Yêu cầu bảo mật / Security Requirement	30
5.1	Phương pháp xác thực / Authentication Method	30
5.2	Quản lý đăng nhập-đăng xuất / Log in & Log out Management	30
6	Yêu cầu cài đặt / Installation Requirement	30
6.1	Phần cứng / Hardward	30
6.2	Hệ thống mạng / Network	30
6.3	Các phần mềm liên quan / Software	30
7	Yêu cầu phi chức năng / Non-Functional Requirement	31
7.1	Yêu cầu giao diện / User Graphic Interface (GUI) Requirement	31
7.1.1	<Yêu cầu giao diện 1> / GUI of Function 1	31
7.2	Yêu cầu tài liệu / Document Requirement	31
7.2.1	Tài liệu cấu hình / cài đặt / Configuration User Guide	31
7.2.2	Tài liệu hướng dẫn sử dụng / User Guide	31
7.3	Yêu cầu đặc biệt / Special Requirement	31
8	Hạn chế của phần mềm. / Limitation of Software	31

SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION		
0-Pr-001-0-FO-0003	Version: 03	Page: 6/32

1. Giới thiệu / *Introduction*

1.1 Tổng quan / *General*

Chương trình ECS-ICM quản lý vật tư từ khâu nhập vật tư lấy lotno và kiểm tra chất lượng vật tư, sau khi đạt chỉ tiêu sản xuất sẽ chuyển vào kho để phục vụ sản xuất.

1.2 Mục đích / *Purpose*

Tài liệu này đặc tả chi tiết các chức năng trong chương trình ECS-ICM. Chương trình được viết lại nhằm cung cấp cho người quản lý, thân thiện và dễ sử dụng hơn nhưng cũng đáp ứng đủ tất cả các yêu cầu và ràng buộc từ hệ thống. Ngoài ra, chương trình còn cung cấp thêm những chức năng mới nhằm hỗ trợ người dùng và tối ưu hóa các chức năng cũ của hệ thống.

1.3 Phạm vi / *Scope*

Tài liệu được áp dụng cho nhân viên SES.

1.4 Thuật ngữ viết tắt / *Technical Term*

ECS_ICM : *eCheckSheet Incoming*.

PIC : *Persion in charge*.

SIC : *Section in charge*.

LOC: *Location*

1.5 Tài liệu tham khảo / *References*

N/A

2 Mô tả tổng quan / *General Description*

ECS_ICM là một ứng dụng windown dùng để quản lý vật tư từ ICM, chạy theo công đoạn cũng từng vật tư được định nghĩa v.v..

Chương trình có :

7 Module chính cho xử lý lotno :

- + Setting itemcode: Lấy thông tin từ NIC và nhập thông tin.
- + Setting Dimension Template: Tạo template đo cho công đoạn Dimension.
- + Input Cavity: Nhập cavity của khác hàng để phục vụ cho công đoạn Dimension.
- + Setting Dimension norm : Tạo norm khi quét công đoạn Dimension thì sẽ tự tạo request.

SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION		
0-Pr-001-0-FO-0003	Version: 03	Page: 7/32

- + Setting Pilot-Run : Tạo nhóm để test Pilot-Run.
- + Create Lotno : Tạo lotno để phục vụ cho sản xuất.
- + Process Lotno: Chạy theo từng công đoạn của từ vật tư khác nhau, kiểm tra chất lượng theo quy chuẩn cho khách hàng hoặc của sản xuất.

UNCONTROL COPY IF PRINT OUT

SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION		
0-Pr-001-0-FO-0003	Version: 03	Page: 8/32

2.1 Mô hình các tình huống sử dụng tổng quan / *Business Work Flow Diagram*

Tham khảo :

2.2 Mô hình cơ sở dữ liệu / *Database Diagram*

Tên bảng	Mô tả
tblECS_Template	Thông tin công đoạn vật tư
tblMatOption_v2	Thông tin cấu hình vật tư trước khi tạo lotno.
tblMatOption_Det	Thông tin các công đoạn cần kiểm tra.
tblMatOption_AQL	AQL của công đoạn.
tblMatLot	Thông tin lotno.
tblECS_Process	Thông tin công đoạn được quét.
tblECS_Dimension_Main_v2	Thông tin header dimension template đo mẫu.
tblECS_Dimension_Standard_v2	Thông tin detail checkpoint dimension cần kiểm.
tblECS_Dimension	Thông tin lotno kiểm tra kết quả dimension.
tblECS_AQL_App	Thông tin chuẩn kiểm Appearance và Dimension.
tblECS_Dimension_Norm	Thông tin những vật tư cần làm request cho dimension.
tblECS_Cavity	Thông tin cavity của khách hàng
tblECS_App_switch_rule	Thông tin thay đổi AQL đo appearance và dimension.
tblECS_Process_OP	Thông tin OP quét công đoạn.
tblECS_QTY	Thông tin số lượng P100 của dimension.
tblMatLotDetail	Thông tin lotno transfer qty vào WH.
tblMatLotSerial	Thông tin lưu số serial
tblECS_Group	Thông tin lưu group kiểm tra pilot-run
tblECS_Group_PIC	Thông tin group có những member kiểm tra.

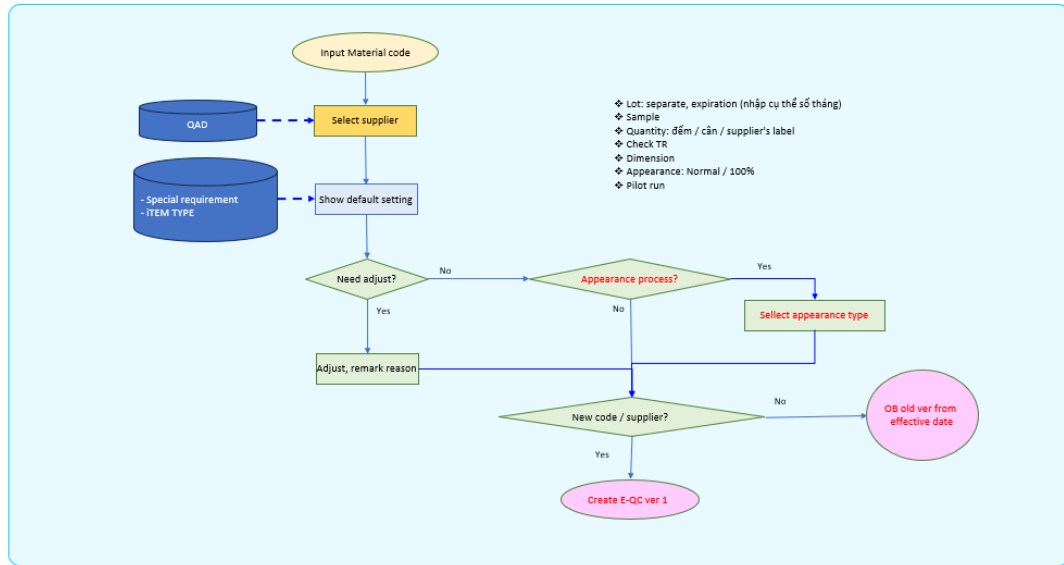
SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION		
0-Pr-001-0-FO-0003	Version: 03	Page: 9/32

Tên chức năng	Mô tả
PRDControl.dbo.p_tblProUserWeb_Verify_Pwd	Kiểm tra user và password
FAM.dbo.p_tblfam_sup_mstr_select	Lấy danh sách nhà cung cấp.
PRDControl.dbo.p_tblMatOption_v2_select	Lấy thông tin nhà cung cấp đã lưu trong material setting.
PRDControl.dbo.p_tblMatOption_v2_save	Lưu thông tin material setting.
eRQT.dbo.p_tblECS_Routing_Insert_v2	Xử lý tạo routing tới kỹ sư.
PRDControl.dbo.p_tblMatOption_v2_revise	Xử lý revise material setting.
PRDControl.dbo.p_tblMatOption_Det_save	Xử lý lưu công đoạn.
PRDControl.dbo.p_tblMatOption_Det_delete	Xử lý xóa công đoạn.
p_BOM_LoadRcv_Non_Offset	Lấy thông tin receiver.
PRDControl.dbo.p_BOM_Insert_tblMatLot_v2	Xử lý tạo lotno.
PRDControl.dbo.p_MAT_Update_ExpiredDate	Cập nhật ngày hết hạn.
PRDControl.dbo.p_BOM_frmMatLot_SN_Crud_v2	Tạo số serial.
PRDControl.dbo.p_BOM_frmMatLot_SN_Crud_v2	Xóa số serial.
eRQT.dbo.insert_print_label	In nhãn lotno.
eRQT.dbo.p_Search_LotNo	Kiểm tra lotno.
eRQT.dbo.p_QAD_Inventory_CheckLoc	Kiểm tra stockbalance vật tư.
eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Insert_v2	Tạo công đoạn cho lotno.
eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Same_Invoice	Kiểm tra lotno cùng invoice.
eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Update	Cập nhật trạng thái công đoạn cho lotno.
eRQT.dbo.p_WHT_WeightOut_ECS_ICM	Kiểm tra cân đã có data chưa.
eRQT.dbo.p_BOM_Get_MarkerLot	Lấy thông tin makerlot của lotno.
eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Insert	Lưu data đo Dimension.
eRQT.dbo.sp_tblECS_Dimension_Same_MakerLot	Kiểm tra cùng makerlot.
eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Main_v2_check_condition	Tạo mẫu kiểm Dimension.
eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_update	Cập nhật giá trị Dimension.
eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_process_checkBeforeProcess	Kiểm tra các điều kiện trước khi lưu Dimension.
eRQT.dbo.p_ECS_Switch_Rule_Insert	Tạo AQL cho Dimension và Appearance.
eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Main_v2_Update	Cập nhật header template Dimension.
eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Standard_v2_save	Lưu checkpoint.
eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Standard_v2_delete	Xóa checkpoint.
eRQT.dbo.p_tblECS_Routing_recall	Recall.
eRQT.dbo.P_ECS_COPY_DIMENSION_Supplier	Thực hiện copy Dimension.
eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Main_Revise_v2	Thực hiện revise.

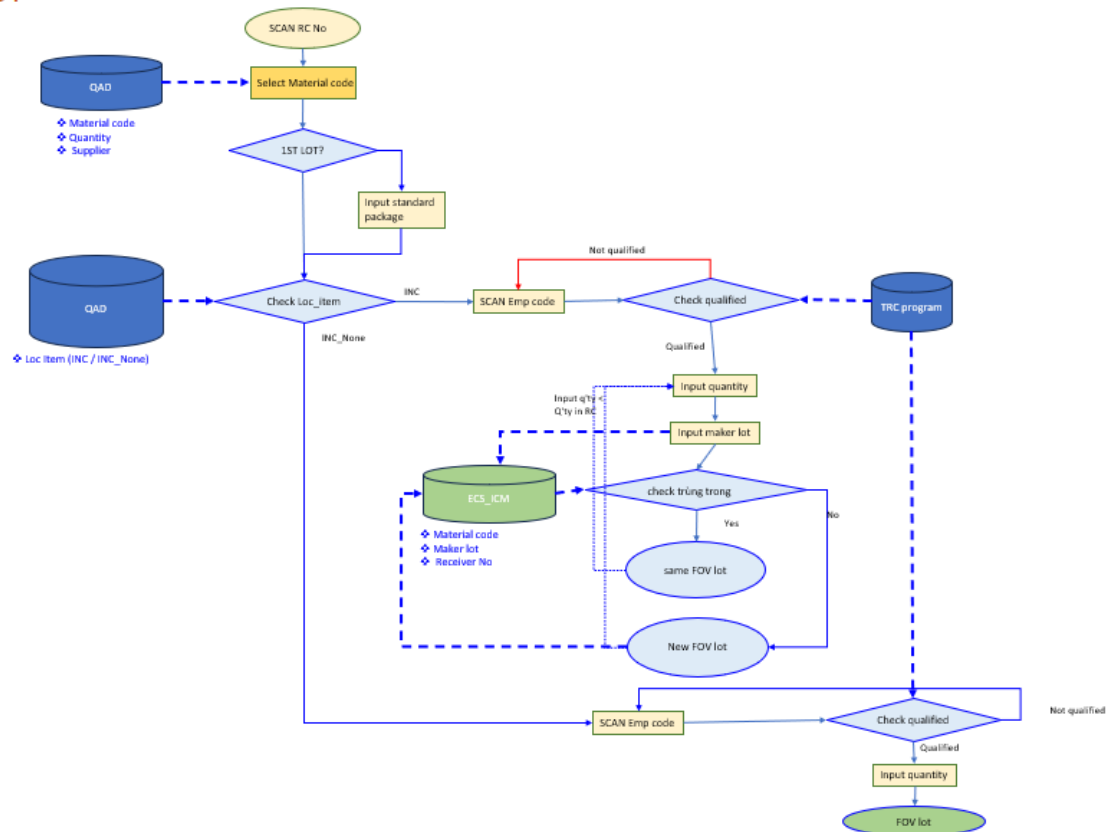
eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Standard_v2_reorder	Tự động sắp xếp dòng.
eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Appearance_Insert	Lưu công đoạn Appearance.

2.3 Mô tả work flow chart

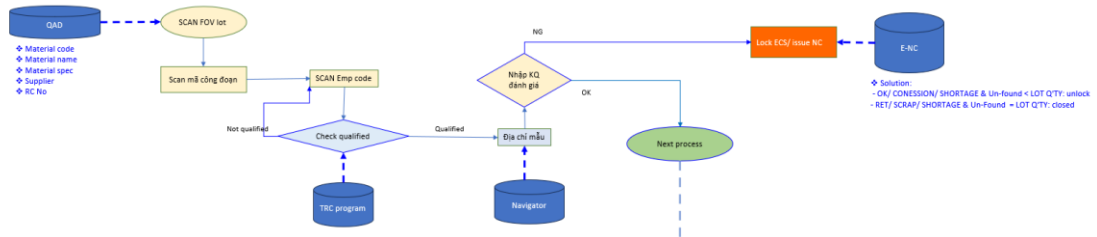
SETTING



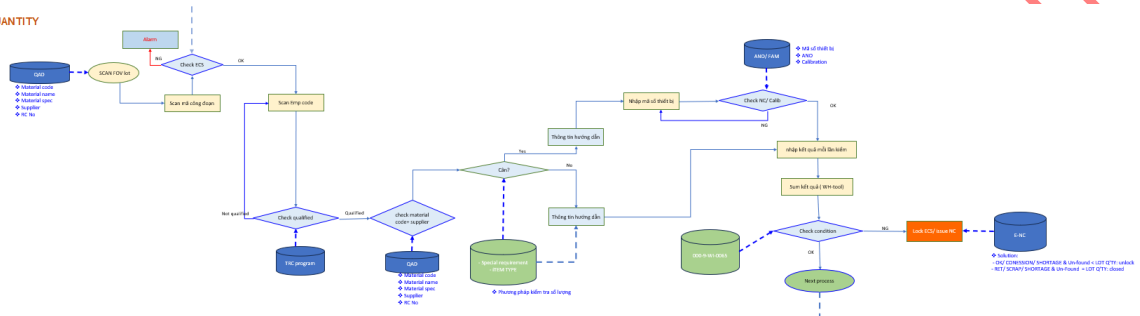
LOT



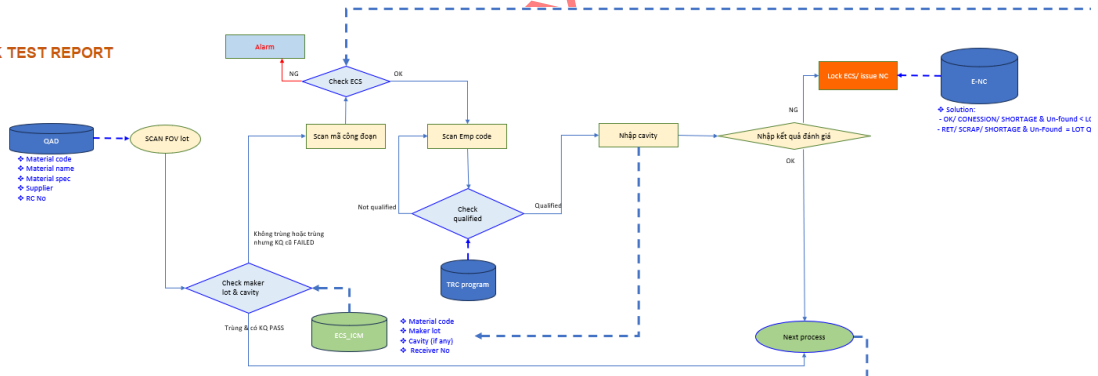
SAMPLE



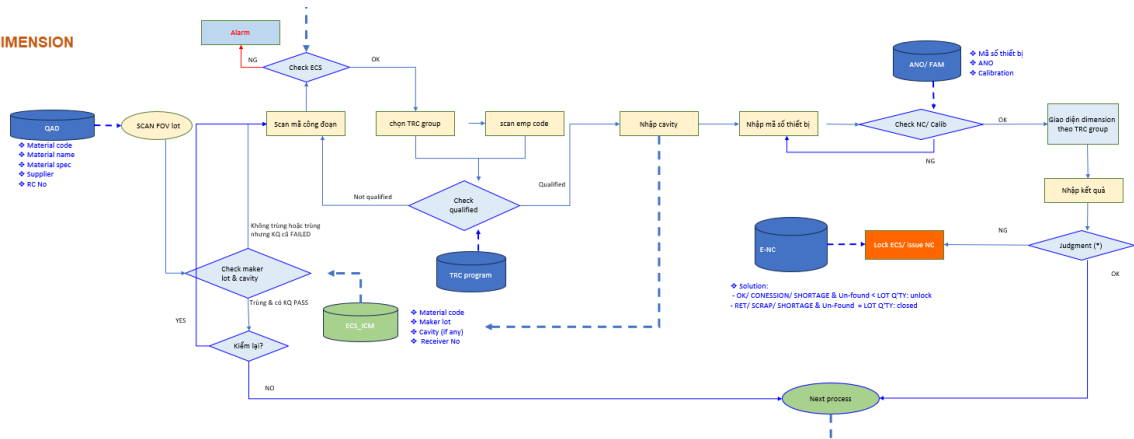
QUANTITY



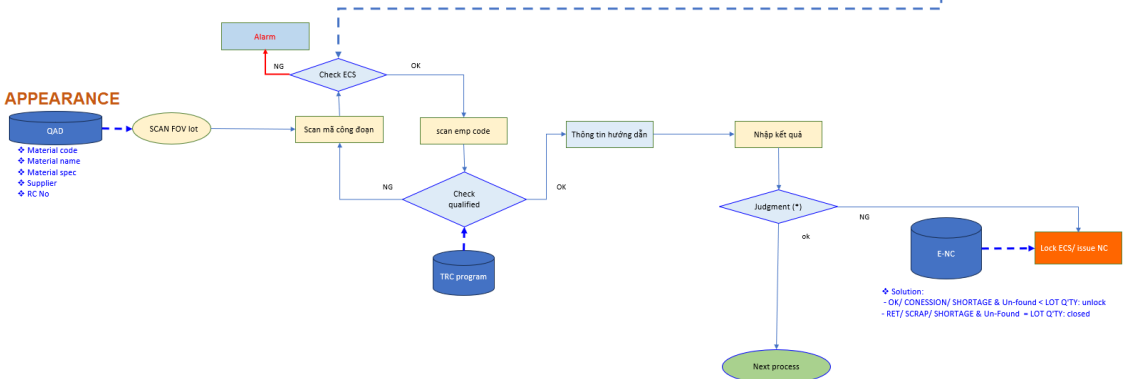
CHECK TEST REPORT



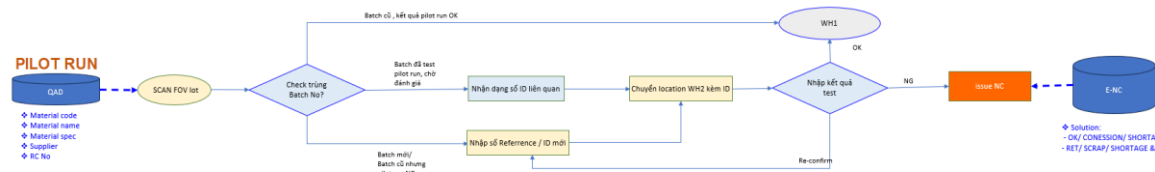
DIMENSION



APPEARANCE



PILOT RUN



UNCONTROL

Đặc tả yêu cầu chức năng / Function Requirement Specification

3.1 Đăng nhập/Login

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*



b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
1. Người dùng nhập user code & password. 2. Nhấn nút “Log In”.	3. Chương trình gọi store procedure “PRDControl.dbo.p_tblProUserWeb_Verify_Pwd” để kiểm tra thông tin đăng nhập.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

+ **Thông tin đăng nhập sai:** chương trình thông báo lỗi nhập sai user code hoặc password khi người dùng nhập sai.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre-Condition*

+ Nhập thông tin username và password vào chương trình

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

- + Nếu nhập sai, hiện thông báo.
- + Nếu nhập đúng vào màn hình chính.

3.2 Setting material

3.2.1 Lấy thông tin supplier

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Khi mở giao diện setting material thì sẽ lấy thông tin supplier.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

N/A

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
------------	----------

1. Mở giao diện setting	1. Chương trình gọi store procedure "FAM.dbo.p_tblfam_sup_mstr_select".
-------------------------	--

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre- Condition*

Người mở giao diện setting.

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

- Hệ thống trả ra danh sách các supplier đang có hiệu lực trên hệ thống.

3.2.2 Chọn supplier đã làm.

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Khi user nhập itemcode thì danh sách đã lưu thông tin các supplier sẽ hiện ra danh sách để chọn, user sẽ chọn supplier để hiện chi tiết .

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

+ nhập itemcode.
+ chọn supplier

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
1. Nhập vật tư và chọn supplier đã làm.	2. Chương trình gọi store procedure "PRDControl.dbo.p_tblMatOption_v2_select"

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre- Condition*

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hệ thống trả ra thông tin chi tiết công đoạn của itemcode và supplier đã lưu.

3.2.3 Lưu data setting

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Khi user nhập xong hết các thông tin cần setting thì nhấn nút save để lưu data.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

- + Expiration.
- + Using time.
- + Number of component.
- + Auto generate lotno.
- + Po = Maker lot.

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
1. Nhấn nút "Save".	Chương trình gọi store procedure "PRDControl.dbo.p_tblMatOption_v2_save". để thực hiện.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre- Condition*

Các thông tin nhập phải có.

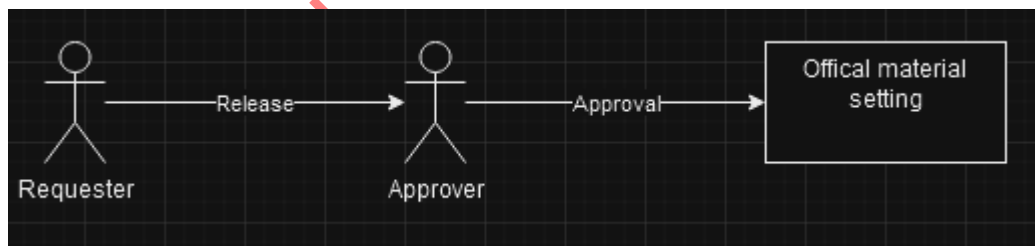
f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hiển thị đã lưu.

3.2.4 Release Setting

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Khi user release sẽ chọn người duyệt, sau khi người duyệt xong thì setting được sử dụng.



b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
1. Nhấn nút "Release".	2. Chương trình hiện form thông tin chọn section, người duyệt.
3. Nhấn nút "Submit"	4. Chương trình sẽ gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Routing_Insert_v2"

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

- + Nếu khác trong thái 1_PRE hoặc 13_RET thì không release được.
- + Nếu chưa chọn PIC duyệt thì không cho release.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre-Condition*

Nhấn nút submit

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Thông báo được release thành công.

3.2.5 Revise setting

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Khi setting đã được duyệt cần thay đổi công đoạn thông tin setting một số thông tin khác cần xem xét.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

Setting đã được duyệt.

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
1. Nhấn nút “Revise”	2. Chương trình gọi store procedure “PRDControl.dbo.p_tblMatOption_v2_revise” để thực hiện.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

Chương trình kiểm tra trạng thái là 1_PRE, 3_CHK, 13_RET thì không được revise.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre-Condition*

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Thông báo đã revise thành công và lên version.

3.2.6 Thêm công đoạn

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Khi muốn thêm công đoạn.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

Danh sách công đoạn.

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
1. Nhấn nút “ Process ”	2. Chương trình gọi store procedure “PRDControl.dbo.p_tblMatOption_Det_save” để thực hiện.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

- + Công đoạn này chưa có trong itemcode.
- + itemcode phải là trạng thái 1_PRE, 13_RET.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre- Condition*

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Thông báo đã lưu thành công.

3.2.7 Xóa công đoạn

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Khi muốn xóa công đoạn.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

Công đoạn cần xóa.

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
1. Nhấn nút “ Process ”	2. Chương trình gọi store procedure “PRDControl.dbo.p_tblMatOption_Det_delete” để thực hiện.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

- + Công đoạn này có trong itemcode.
- + itemcode phải là trạng thái 1_PRE, 13_RET.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre- Condition*

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Thông báo đã xóa thành công.

3.3 Tạo lotno

3.3.1 Lấy thông tin receiver

a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description

Trước khi tạo lotno thì user nhập receiver để tạo lotno từ thông tin của receiver.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter

Số receiver

c. Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow

Người dùng	Hệ thống
1. Nhập ô "Receiver".	2. Chương trình gọi store procedure "PRDControl..dbo.p_BOM_LoadRcv_Non_Offset" để thực hiện.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow

- + Thiếu số receiver.
- + Receiver bị offset.
- + Nhập sai số receiver.s

e. Điều kiện bắt đầu / Pre-Condition

Số receiver.

f. Điều kiện kết thúc / Post-Condition

Hệ thống hiện ra thông tin receiver.(ItemCode, Supplier, Invoice...)

3.3.2 Tạo lotno

a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description

Khi có thông tin về receiver thì có thể tạo lotno theo format YYMMDDxxxxyyyy.

YY: Năm.

MM: Tháng.

DD: ngày.

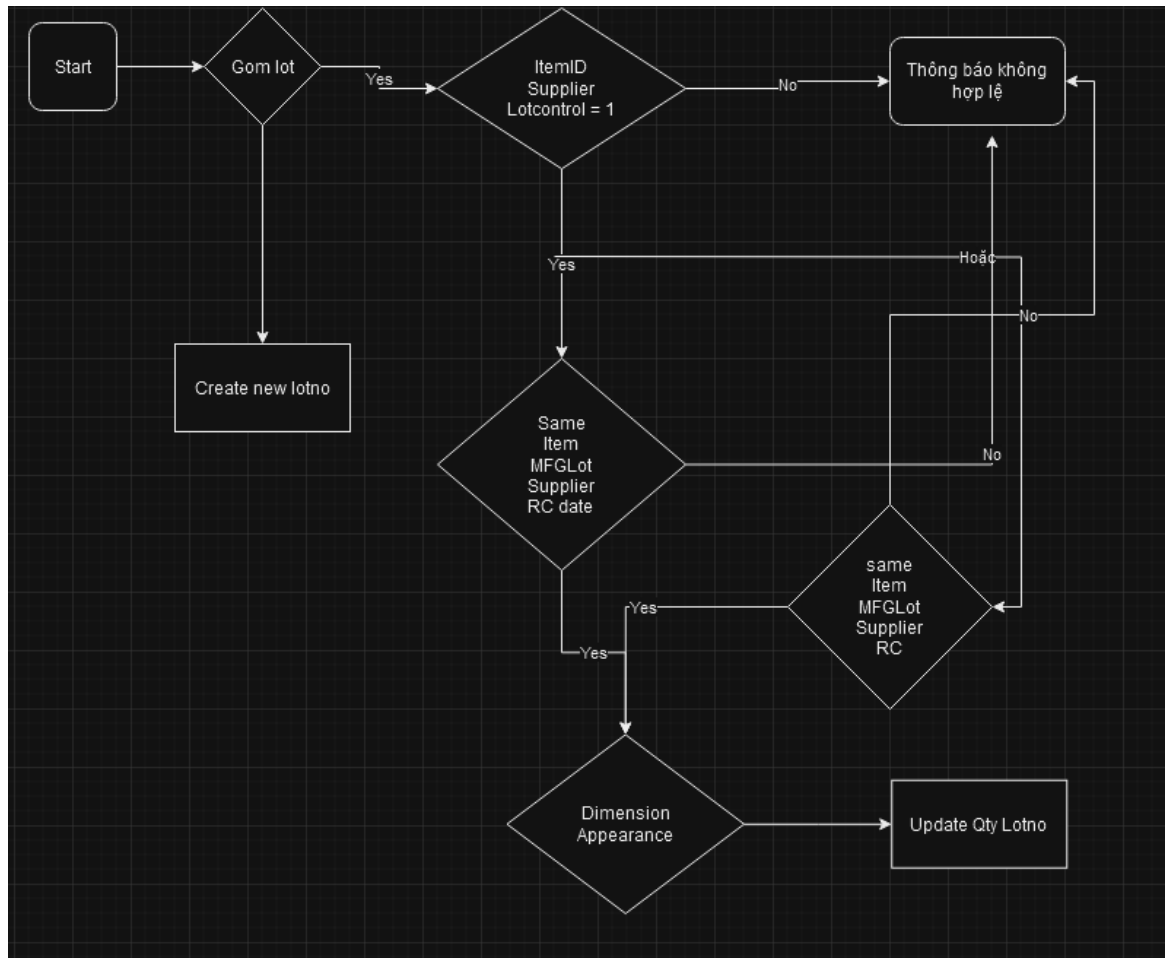
xxxx: Supplier Code.

yyyy: số thứ tự trong ngày. (bắt đầu từ số 1)

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter

- + Nhập line_std_qty
- + Nhập MFG Lot.
- + Qty Input
- + Chọn Có gom lotno hoặc không gom lotno.

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*



Người dùng	Hệ thống
1. Chọn nút “ Tạo lotno ”.	2. Chương trình hiển thị giao diện để lựa chọn tiếp hành động tương ứng.
3. Nhập “ Code OP ”. + Nhập line_std_qty + Nhập MFG Lot. + Qty Input + Chọn Có gom lotno hoặc không gom lotno.	4. Chương trình gọi “PRDControl.dbo.p_BOM_Insert_tblMatLot_v2” để thực hiện.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

- + Các thông tin nhập có dấu * là phải nhập đầy đủ.
- + Kiểm tra code OP có skill test hay không.
- + Nếu có chọn auto generate lotno thì Line_std_qty lớn hơn 0.

SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION		
0-Pr-001-0-FO-0003	Version: 03	Page: 20/32

- + Qty input thì phải nhỏ hoặc bằng Qty remain.
- + Đối với chọn có gom lotno thì phải có lotno được tạo trước đó rồi cùng RC hoặc khác RC nhưng cùng MFG lot và Receiver Date.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre- Condition*

Người dùng nhập thông tin trên form

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hệ thống kiểm tra các thông tin hợp lệ thì sẽ thông báo số lotno được hệ thống tạo và hiện danh sách lotno được tạo.

3.3.3 Cập nhật ngày sản xuất và ngày hết hạn

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Khi cần cập nhật ngày sản xuất và ngày hết hạn.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

- + Số tháng hết hạn
- + Ngày sản xuất
- + Ngày hết hạn.

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
1. Nhấn nút " Cập nhật ngày hiệu lực ".	2. Chương trình hiện thông tin form nhập ngày hiệu lực.
3. Nhập Expiration(Months). Chọn ngày sản xuất	4. Chương trình sẽ lấy ngày sản xuất + expiration tính ra ngày hết hạn và cập nhật vào ô ngày hết hạn.
6. Nhấn nút " Submit "	7. Chương trình gọi store procedure " PRDControl.dbo.p_MAT_Update_ExpiredDate " để thực hiện.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

- + Bắt buộc nhập Expiration.
- + Bắt buộc chọn ngày sản xuất.
- + Bắt buộc chọn ngày hết hạn.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre- Condition*

Người dùng nhập thông tin trên form.

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hệ thống báo đã lưu.

3.3.4 Nhập số serial cho lotno

a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description

Sau khi tạo lotno, user cần nhập số serial cho lotno.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter

- + Receiver.
- + ItemID.
- + MFGLot.
- + IndoorLot.
- + Serial

c. Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow

Người dùng	Hệ thống
1. Nhấn nút “Nhập số serial”	2. Chương trình hiện form thông tin nhập serial.
3. Nhấn nút “Save”.	4. Chương trình gọi store procedure “PRDComtrol.dbo.p_BOM_frmMatLot_SN_Crud_v2” thực hiện.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow

- + Bắt buộc nhập ô serial.

e. Điều kiện bắt đầu / Pre-Condition

Người dùng nhập thông tin trên form.

f. Điều kiện kết thúc / Post-Condition

Hệ thống hiển thị số serial được lưu trong danh sách số serial.

3.3.5 Xóa số serial

a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description

Sau khi user nhập số serial thì có thể xóa số serial đã nhập.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter

- + Receiver.
- + ItemID.
- + MFGLot.
- + Serial.
- + InputBy

c. Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow

Người dùng	Hệ thống
1. Chọn biểu tượng “Xóa”.	2. Chương trình gọi store procedure

	“PRDControl.dbo.p_BOM_frmMatLot_SN_Crud_v2” để thực hiện.
--	--

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre- Condition*

N/A

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hệ thống hiển thị thông tin đã thực hiện.

3.3.6 In nhãn

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Sau khi tạo xong lotno thì có thể in nhãn.

+ Nhãn bịch : in theo số lượng packing của lotno.

+ Nhãn tổng của lotno : In theo số lượng của lotno.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

+ Chọn loại in nhãn

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
1. Chọn biểu tượng “In”.	2. Chương trình hiển thị form tùy chọn kiểu in.
3. Chọn loại in + Nhãn bịch. + Nhãn tổng của Lotno	4. Chương trình gọi store procedure “insert_print_label” để thực hiện.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre- Condition*

Người dùng chọn thông tin trên form

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hệ thống in ra nhãn thông tin đã chọn.

3.4 Quét lotno

3.4.1 Kiểm tra lotno tồn tại

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

User quét lotno thì chương trình sẽ kiểm tra sự tồn tại của lotno.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

- + Lotno.
- + Chọn loại quét.

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
Chọn Normal hoặc SL2Y và Quét lotno	<p>2. Chương trình gọi store procedure</p> <p>+ Normal : "eRQT.dbo.p_Search_LotNo" .</p> <p>+ SL2Y:</p> <p>"eRQT.dbo.p_QAD_Inventory_CheckLoc" .</p> <p>để thực hiện kiểm tra location SL2Y còn số lượng.</p>

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

- + Tìm không thấy lotno thì sẽ thông báo sai lotno.
- + Đối với SL2Y không tìm thấy location thì sẽ thông báo.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre-Condition*

Lotno

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hệ thống hiển thị thông tin lotno.

3.4.2 Tạo công đoạn cho lotno

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Sau khi kiểm tra lotno tồn tại thì lấy thông tin công đoạn của vật tư để tạo cho lotno.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

- + Lotno.

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
Quét lotno	<p>Chương trình gọi store procedure</p> <p>"eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Insert_v2" để thực hiện.</p>

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

- + Cấu hình vật tư chưa có.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre-Condition*

Lotno.

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hệ thống hiển thị thông tin công đoạn của lotno.

3.5 Kiểm tra công đoạn

3.5.1 Kiểm tra công đoạn sample

a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description

User quét lotno tới công đoạn sample, thì hiện thông tin địa chỉ sample của vật tư.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter

+ Lotno.
+ Code OP

c. Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow

Người dùng	Hệ thống
Quét lotno	Chương trình gọi store procedure “eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Same_Inovice” kiểm tra có cùng Invoice, nếu có thì sẽ hiện hết danh sách các lotno cùng Invoice.
Nhấn nút “Xử lý”	Chương trình gọi store procedure “eRQT.dbo.p_tblECS_Process_update_same_marker” để cập nhật trạng thái và đi tới công đoạn kế tiếp
	Chương trình gọi store procedure “eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Update” để cập nhật trạng thái và đi tiếp (Nếu không trùng Invoice)

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow

+ Kiểm tra TRC_Code của OP quét lotno.

e. Điều kiện bắt đầu / Pre-Condition

Lotno

f. Điều kiện kết thúc / Post-Condition

Hệ thống hiển thị công đoạn lotno đã quét.

3.5.2 Kiểm tra công đoạn Quantity

a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description

Công đoạn quantity thì phải kiểm tra thông tin cân đã hoàn thành chưa. Khi hoàn thành kiểm tra cân thì lấy hết lotno cùng invoice và coi các lotno cùng invoice như pass qua công đoạn này.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter

+ Lotno.

c. Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow

Người dùng	Hệ thống
------------	----------

Quét lotno	Chương trình gọi store procedure “eRQT.dbo.p_WHT_WeightOut_ECS_ICM” để thực hiện. Và gọi store procedure “eRQT.dbo.p_tbleCS_Process_Same_Invoice” để kiểm tra các lotno khác cùng Invoice thì coi như đã quét.
------------	---

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

- + Nếu chưa có data cân thì thông báo và chặn.
- + Nếu có data cân nhưng Judgment good > 0 thì thông báo và chặn.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre- Condition*

Lotno.

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hệ thống hiển thị thông tin công đoạn của lotno.

3.5.3 Kiểm tra công đoạn Test_Report

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Công đoạn Test_Report kiểm tra nếu lotno cùng Makerlot mà lotno trước đó đã kiểm tra thành công thì lotno đang quét coi như pass. Nếu chưa có thì hiện template đánh giá.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

- + Lotno.
- + Tạo Template.
- + File Excel

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
Quét lotno và chọn file excel từ khách hàng	Chương trình gọi store procedure “eRQT.dbo.p_BOM_Get_MarkerLot” để lấy thông tin maker và kiểm tra tên vật tư, spec của vật tư trùng với thông tin khách hàng gửi. Gọi store procedure “eRQT.dbo.p_tbleCS_Dimension_Standard_v2_select” để kiểm tra checkpoint có giống với file khách hàng gửi. Và gọi store procedure “eRQT.dbo.p_tbleCS_Dimension_Insert” để lưu thông tin.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

- + Kiểm tra Maker, Name, Spec của vật tư nếu khác với thông tin khách hàng gửi thì thông báo và chặn.
- + Kiểm tra cavity có được định nghĩa không.

+ Kiểm tra các checkpoint phải theo template của FOV.

e. Điều kiện bắt đầu / Pre-Condition

Lotno.

f. Điều kiện kết thúc / Post-Condition

Hệ thống hiển thị thông tin công đoạn của Test_Report.

3.5.4 Kiểm tra công đoạn Dimension

a. Mô tả tình huống sử dụng / Use Case Description

Công đoạn Dimension kiểm tra nếu lotno cùng Makerlot mà lotno trước đó đã kiểm tra thành công thì lotno đang quét coi như pass. Nếu chưa có thì hiện template đánh giá. Nếu lotno vẫn còn đang đánh giá thì có thể quét lotno đánh giá tiếp tục.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / Input & output Parameter

- + Lotno.
- + File Excel
- + Tạo Template dimension.

c. Luồng sự kiện chính / Primary Business Work Flow

Người dùng	Hệ thống
Quét lotno	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.sp_tblECS_Dimension_Same_MakerLot" để kiểm tra có cùng makerlot và lotno đã làm thì pass.
Nhấn nút "Tạo mẫu kiểm"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Main_v2_check_condition" để tạo mẫu kiểm dựa theo số lượng và AQL của từng checkpoint để tạo ra tương ứng.
Nhấn nút "Save"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_update" để lưu giá trị OP nhập trên lưới
Nhấn nút "Xử lý"	Chương trình gọi store "eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_process_checkBeforeProcess" để kiểm tra đủ điều kiện, và gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_process" để kiểm tra NG. Nếu không NG gọi store procedure "p_tblECS_Process_Update" cập nhật trạng thái công đoạn pass. Sau đó gọi store "eRQT.dbo.p_ECS_Switch_Rule_Insert" tính toán chuyển đổi công đoạn.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / Alternative Business Work Flow

- + Nhập out of spec.
- + Thiếu Template dimension.
- + Thiếu nhập data.

e. Điều kiện bắt đầu / Pre-Condition

Lotno.

f. Điều kiện kết thúc / Post-Condition

Hệ thống hiển thị thông tin công đoạn của Dimension.

3.5.5 Setting template Dimension

a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Tạo template các checkpoint, chuẩn AQL, Min, Max, TRC_CODE để kiểm tra vật tư theo spec của khách hàng hoặc của FOV.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

- + ItemCode.
- + Supplier.
- + Normal, SL2Y.
- + Kiểu checkpoint.
- + Checkpoint, Min, Max, Critertion.

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*

Người dùng	Hệ thống
Bấm nút "Save" main	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Main_v2_Update" lưu data.
Nhấn nút "Release"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Routing_Insert_v2" để chuyển tới kỹ sư duyệt.
Nhấn nút "Save" detail	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Standard_v2_save" để lưu dòng của checkpoint.
Nhấn nút "Delete"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Standard_v2_delete" xóa dòng checkpoint.
Nhấn nút "Checkpoint"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_PIC_Insert_v2" để tạo tab hình ảnh hướng dẫn cho OP làm.
Nhấn nút "Recall"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Routing_recall" để thực hiện recall vật tư sau khi đã release.
Nhấn nút "Copy"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.P_ECS_COPY_DIMENSION_Supplier" để thực hiện copy.
Nhấn nút "Revise"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Main_Revise_v2" để thực hiện revise.
Di chuyển các dòng để sắp xếp lại thứ tự.	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Dimension_Standard_v2_reorder" để thực hiện sắp xếp.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

- + Supplier phải có từ material setting nếu không có thì không hiện.
- + Nếu version là 1_PRE, 13_RET thì mới chỉnh sửa được.
- + Critertion, Min, Max thì phải là số.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre- Condition*

ItemCode, Supplier.

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hệ thống hiển thị thông tin template của Dimension.

3.5.6 Kiểm tra công đoạn APPEARANCE

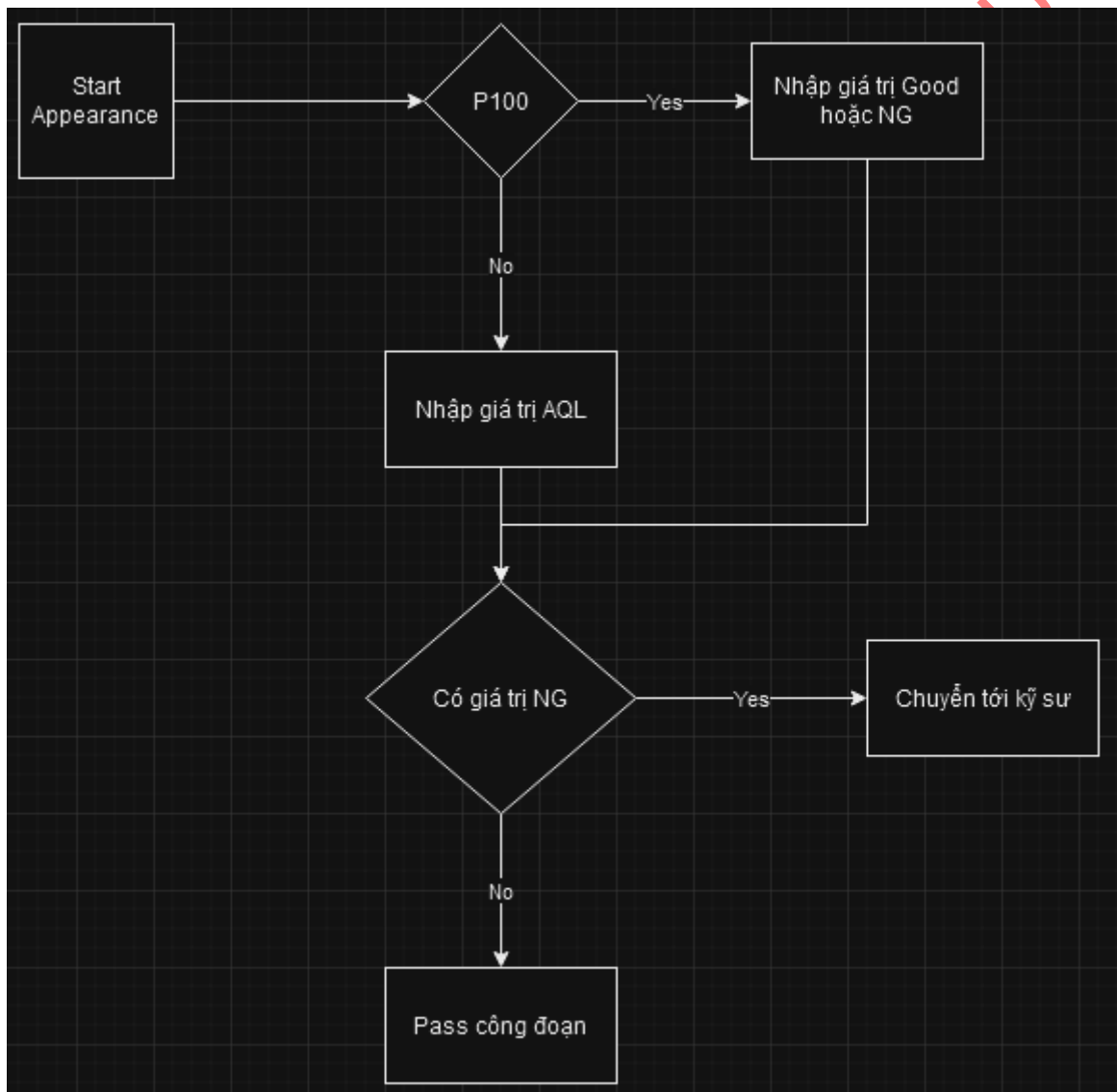
a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Kiểm tra công đoạn Appearance.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

+ Template AQL
+ Lotno.

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*



Người dùng	Hệ thống
Bấm nút "Save"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Appearance_Insert" lưu data.
	Có giá trị NG thì chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Routing_insert_v2" để

SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION		
0-Pr-001-0-FO-0003	Version: 03	Page: 29/32

	chuyển tới kỹ sư đánh giá
	Nếu pass thì gọi store “eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Update_v2” để cập nhập trạng thái công đoạn.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

+ Phải có nhập giá trị.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre-Condition*

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hệ thống hiển thị thông tin đã lưu.

3.5.7 Kiểm tra công đoạn Pilot-Run

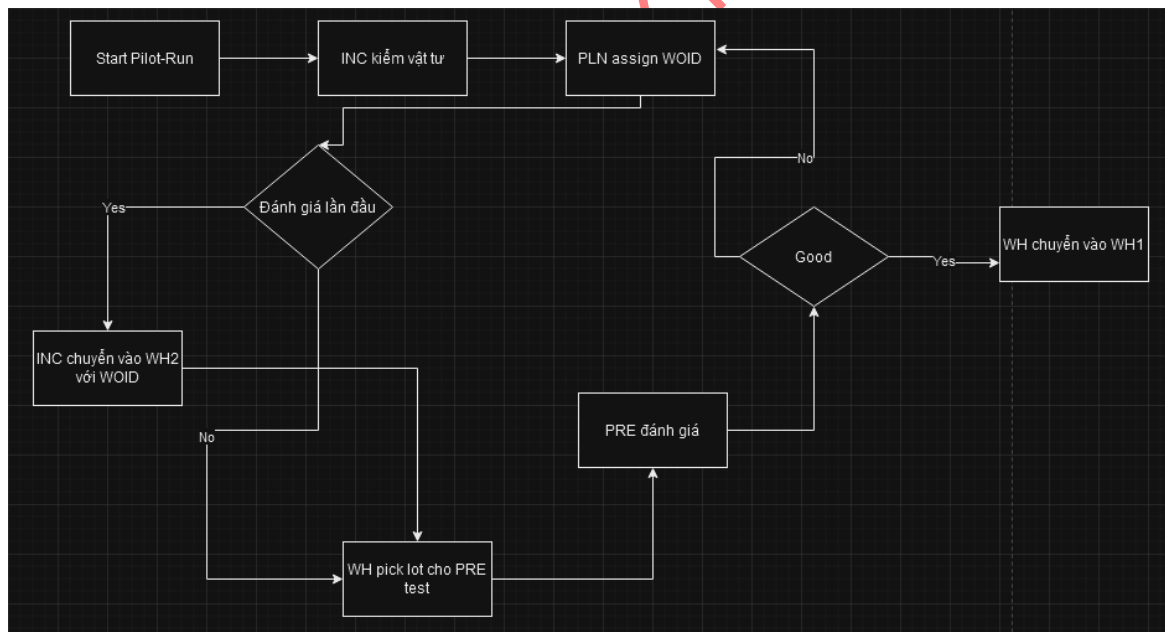
a. Mô tả tình huống sử dụng / *Use Case Description*

Kiểm tra công đoạn Pilot-Run.

b. Thông số đầu vào và thông số đầu ra / *Input & output Parameter*

+ Lotno.

c. Luồng sự kiện chính / *Primary Business Work Flow*



Người dùng	Hệ thống
Quét lotno	Chương trình gọi store procedure “eRQT.dbo.sp_tblECS_Dimension_Same_MakerLot” kiểm tra nếu có lotno đang kiểm tra thì không được xử lý.
	Nếu có lotno đã kiểm tra xong và pass chương trình gọi store procedure “eRQT.dbo.sp_tblECS_Dimension_Same_MakerLot” để kiểm tra nếu có thì chuyển vào WH_Tmp

	Nếu chưa kiểm tra thì gọi store "eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Insert" chuyển cho PLN kiểm tra và gán ID
PLN nhấn "xử lý"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Insert" chuyển cho INC. Nếu đánh giá lần 2 thì chuyển cho WH.
INC nhấn "Transfer to WH"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Insert" để chuyển cho WH và "PRDControl.dbo.p_BOM_Transfer_tblMatLotDetail" để chuyển data vào WH kiểm tra.
PRE nhấn "Đánh giá"	Chương trình gọi store procedure "eRQT.dbo.p_tblECS_Process_Insert" để chuyển vào WH chuyển và WH1 và in nhãn.

d. Các luồng sự kiện khác (các trường hợp chặn lỗi) / *Alternative Business Work Flow*

- + Phải stock trong location INC, WH2.
- + PRE phải có tạo group đánh giá pilot-run.

e. Điều kiện bắt đầu / *Pre-Condition*

f. Điều kiện kết thúc / *Post-Condition*

Hệ thống hiển thị thông tin đã lưu.

4. Yêu cầu dữ liệu điện tử / *Electronic Data Requirement*

4.1 Quyền phát sinh dữ liệu / *Manipulation of Data*

4.2 Sao lưu / phục hồi dữ liệu / *Backup and Restore Data*

4.3 Truy xuất dữ liệu / *Query Data*

4.4 Lịch sử của dữ liệu / *History of Data*

Lưu tất cả dữ liệu và mãi mãi

5. Yêu cầu bảo mật / *Security Requirement*

5.1 Phương pháp xác thực / *Authentication Method*

5.2 Quản lý đăng nhập-đăng xuất / *Log in & Log out Management*

6 Yêu cầu cài đặt / *Installation Requirement*

6.1 Phần cứng / *Hardward*

6.2 Hệ thống mạng / *Network*

- + Nội bộ FOV.

SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION		
0-Pr-001-0-FO-0003	Version: 03	Page: 31/32

6.3 Các phần mềm liên quan / *Software*

7 Yêu cầu phi chức năng / *Non-Functional Requirement*

7.1 Yêu cầu giao diện / *User Graphic Interface (GUI) Requirement*

7.1.1 <Yêu cầu giao diện 1> / *GUI of Function 1*

+ Chrome 10.0 trở lên, FireFox 6.0 trở lên

7.2 Yêu cầu tài liệu / *Document Requirement*

7.2.1 Tài liệu cấu hình / cài đặt / *Configuration User Guide*

7.2.2 Tài liệu hướng dẫn sử dụng / *User Guide*

7.3 Yêu cầu đặc biệt / *Special Requirement*

8 Hạn chế của phần mềm. / *Limitation of Software*

REVISION HISTORY

Date	Person	Version	Old content description	New content		Reason of change
				Description	Change requester	
10-Dec-2013	Nguyễn Trường Giang	01		New		New
01-Jul-2015	Nguyễn Trường Giang	02		Bổ sung phần 3.1.1.a Thông số đầu vào / ra 4. Yêu cầu dữ liệu điện tử 5. Yêu cầu cài đặt 6. Yêu cầu bảo mật 7. Yêu cầu tài liệu 8. Hạn chế của phần mềm	10022	ISO requirements
27-Jul-2015	Nguyễn Trường Giang	03		Add English Description	10022	Issue partner. for